TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 378/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Trần Thị Thu H và anh Trần Xuân C.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Kim Thành

2. Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Soan – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: Số 3/204 đường H, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định; Số CCCD: 036191004964.

- *Bị đơn:* Anh Trần Xuân C, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Số 549 đường Điện Biên, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định. Số CCCD: 036089021239.

(Tại phiên tòa chị H có mặt, anh C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 30-6-2023, bản tự khai ngày 13-7-2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Xuân C được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N vào ngày

28-10-2020. Trước khi đăng ký kết hôn anh chị đã chung sống với nhau và sinh con chung vào ngày 18-6-2020. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên xảy ra cãi nhau. Mặc anh chị đã cố gắng hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ tháng 11 năm 2022 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi không quan tâm tới nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Trần Xuân C.

- Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Trần Thảo N, sinh ngày 18-6-2020 hiện nay đang ở với chị. Quan điểm của chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị là giáo viên dạy tiếng Anh, có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 13 tháng 7 năm 2023 bị đơn là anh Trần Xuân C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian chung sống, sinh con và đăng ký kết hôn như chị H trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân xuất phát từ cả hai phía, do anh chị khác nhau về quan điểm sống, về cách thức chi tiêu sinh hoạt dẫn đến việc cãi nhau. Vợ chồng đã nói chuyện, hòa giải khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên tháng 11-2022 chị H đã dọn đi nơi khác sống. Anh đã nhiều lần đến gặp chị H để níu kéo quan hệ vợ chồng nhưng chị H không đồng ý quay về đoàn tụ. Nay chị H xin ly hôn quan điểm của anh không nhất trí và đề nghị chị H rút đơn để vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung như chị H trình bày. Anh có quan điểm xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm nghề nhôm kính có thu nhập ổn định để nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại đơn đề nghị ngày 10-7-2023 chính quyền địa phương nơi chị H và anh C cư trú xác nhận: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Xuân C có quan hệ hôn nhân và có 1 con chung là Trần Thảo N. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị H có làm đơn đề nghị chính quyền địa phương xác nhận để làm thủ tục giải quyết ly hôn với anh C theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng:

Anh Trần Xuân C là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh Trần Xuân C.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Xuân C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N vào ngày 28-10-2020 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không thống nhất về việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Sau khi phát sinh mâu thuẫn chị H và anh C đã có những biện pháp hàn hắn quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả dẫn đến việc vợ chồng ly thân từ tháng 11 năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh C đã gặp chị H nhiều lần, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải 3 lần tạo điều kiện để anh chị quay về đoàn tụ nhưng không lần nào chị H và anh C có mặt cùng nhau tại phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay anh C vắng mặt, chị H vẫn giữ quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn với anh C.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Trần Xuân C.

2.2 Về con chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Xuân C có 01 con chung là Trần Thảo N, sinh ngày 18-6-2020. Cả chị H và anh C đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị H và anh C đều là chính đáng, anh chị đều có đầy đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên do cháu Trần Thảo N còn nhỏ, mới 38 tháng tuổi lại là con gái nên cần có sự chăm sóc của mẹ hơn nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử giao cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Trần Thảo N, sinh ngày 18-6-2020 là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Trần Thị Thu H là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Trần Xuân C.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Trần Thảo N, giới tính: Nữ; sinh ngày 18-6-2020, số định danh cá nhân: 036320015126. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Thu H không yêu cầu anh Trần Xuân C cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Xuân C vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000205 ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Chị Trần Thị Thu H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Xuân C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thu Hiền

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường L;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Hiền